

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Năm báo cáo: 2020

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101643744
- Vốn điều lệ: 31.154.090.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ: số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 3 8271 498 - Số fax: (024) 3 8271 731 - Website: <http://www.pecvn.com>
- Mã cổ phiếu: PEC

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực được thành lập ngày 30/3/2005, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy Cơ khí Yên Viên trực thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam) với vốn điều lệ ban đầu 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) và được tăng dần như sau: từ tháng 9/2009 là 24.300.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng), từ tháng 02/2015 là 27.215.330.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm mười lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng), từ tháng 9/2016 là 29.391.520 nghìn đồng (Hai mươi chín tỷ, ba trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng), từ tháng 11/2017 là 31.154.090.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực được chính thức giao dịch trên sàn UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 06/10/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất cột thép, xà thép mạ kẽm;
- Sản xuất kết cấu thép của nhà máy thủy điện, nhiệt điện
- Dịch vụ mạ kẽm;
- Sản xuất bu-lon móng, tiếp địa
- Sản xuất cơ khí khác
- Sửa chữa và xây lắp điện
- Kinh doanh vật tư, thiết bị.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Sản phẩm của Công ty được sản xuất tại các địa chỉ:

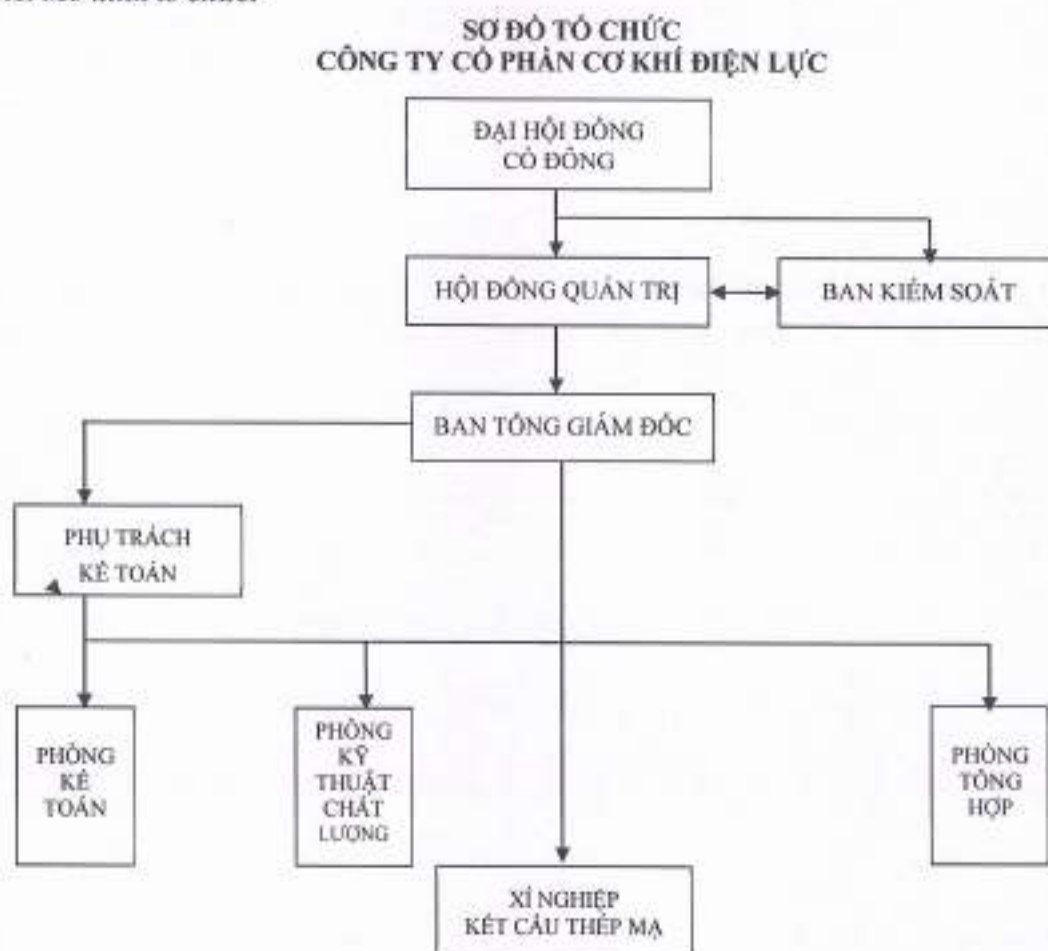
- Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Đường TS10 KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Cụm CN đường 20A xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (các công ty xây lắp, truyền tải điện, các ban quản lý dự án công trình điện, ...) và các đơn vị thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây và trạm, ... trên phạm vi cả nước.

Ngoài ra, Công ty mở rộng thị trường, cung cấp các sản phẩm kết cấu thép cho các công trình giao thông, thủy lợi nhằm mục tiêu đa dạng hóa khách hàng phục vụ nền kinh tế quốc dân.

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình tổ chức:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Hội đồng quản trị:

Chủ tịch:	Ông Lê Minh Hải	
Các thành viên:	Ông Lê Đăng Thuận	Miễn nhiệm 01/5/2021
	Bà Phạm Thu Hằng	Miễn nhiệm 07/02/2021
	Ông Nguyễn Đức Bách	Miễn nhiệm 01/5/2021
	Ông Nguyễn Doãn Bình	Miễn nhiệm 01/5/2021
	Ông Lê Nam Hưng	Bổ nhiệm 07/02/2021
	Ông Cáp Đức Vượng	Bổ nhiệm 01/5/2021

Ban kiểm soát:

Trưởng ban:	Ông Hoàng Sơn Thọ
Các thành viên:	Bà Lê Thị Ngọc Thương
	Bà Phan Thị Thu Hằng

Ban điều hành:

Tổng Giám đốc:	Ông Nguyễn Đức Bách	Chấm dứt HĐLĐ tháng 4/2021
Phó Tổng giám đốc PT:	Ông Cáp Đức Vượng	Bổ nhiệm ngày 01/5/2021

Phó Tổng giám đốc: Ông Lê Đăng Thuận

Ông Nguyễn Anh Minh

Phụ Trách Kế toán : Bà Lê Hồng Hạnh

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

(i) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG NGUỒN ĐIỆN

- Địa chỉ: Đường TS10 KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất kinh doanh kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện; sản xuất kinh doanh các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng, chế tạo cơ khí, lắp máy; sản xuất kinh doanh, sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; xây dựng các công trình kỹ thuật công nghiệp, công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện; ...

- Vốn điều lệ thực góp: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 36%

(ii) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP ĐIỆN LỰC

- Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: xây lắp công trình kỹ thuật công nghiệp và dân dụng; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; ...

- Vốn điều lệ thực góp: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 25%

(iii) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT

- Địa chỉ: Cụm CN đường 20A, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất phụ kiện đường dây đến 500 kV

- Vốn điều lệ: 85.832 tỷ VNĐ

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 36%

(Ghi chú: Đây là công ty liên doanh giữa PEC và Công ty TNHH Hệ thống điện Furukawa - Nhật bản, PEC góp vốn bằng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất)

4. Định hướng phát triển:

4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn, tạo lợi nhuận, giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, chia cổ tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và duy trì sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống, đồng thời, tập trung nghiên cứu đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm cơ khí có giá trị gia tăng cao để đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế trong phạm vi cả nước và xuất khẩu.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững: Thực hiện triệt để các biện pháp bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tham gia đầy đủ các cuộc vận động khuyến góp, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ...

5. Các rủi ro: Hiện nay, trong điều kiện giá cả nguyên vật liệu chính (sắt thép, kẽm, dầu, hóa chất, ...) luôn biến động mạnh, mặt bằng lãi suất ngân hàng được điều chỉnh theo chiều hướng tăng và chính sách thả nổi tỷ giá, ... là những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do giá một số vật tư chính (thép, kẽm kim loại) biến động tăng mạnh; vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cũng rất khó khăn các ngân hàng cắt giảm hạn mức cho vay; tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trực tiếp sản xuất tiếp tục diễn ra, công tác tuyển dụng chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho sản xuất; một số máy, thiết bị đã cũ, lạc hậu gây khó khăn trong việc bảo đảm chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động; ... Các yếu tố trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận năm 2020 của Công ty.

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
1	Tổng tài sản tại 31/12	247.592	247.912	(320)
2	Nợ phải trả 31/12	188.906	183.231	5.675
3	Vốn chủ sở hữu tại 31/12	58.686	64.682	(5.996)
4	Vốn điều lệ tại 31/12	31.154	31.154	-
5	Tổng doanh thu	114.450	170.826	(56.376)
6	Lỗ trước thuế	(5.996)	1.376	(7.372)

▪ **Nhận xét, đánh giá:**

- Tổng tài sản tại 31/12/2020 giảm 320 triệu đồng so với 31/12/2019.
- Tổng nợ phải trả tại 31/12/2020 tăng 5.675 triệu đồng so với 31/12/2019.
- Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2020 giảm 5.996 triệu đồng so với 31/12/2019.
- Tỷ lệ Nợ/VCSH đã tăng từ 2,83 lần tại 31/12/2019 lên 3,22 lần tại 31/12/2020, tỷ lệ này tăng do trong năm 2020 Công ty sụt giảm lợi nhuận làm Vốn chủ sở hữu giảm 9.27%.

1.1. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính quan trọng

CHỈ TIÊU THANH TOÁN

Tên chỉ tiêu	Công thức tính	Số liệu báo cáo tài chính	
		31/12/2020	31/12/2019
Chỉ số thanh toán ngắn hạn	$\frac{\text{TS ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	1,212	1,244
Chỉ số thanh toán nhanh	$\frac{\text{TS ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,686	0,509

❖ **Nhận xét, đánh giá:**

a. Chỉ số thanh toán ngắn hạn:

- Giá trị của chỉ số thanh toán ngắn hạn theo Báo cáo tài chính tại 31/12/2019 đạt $1,244 > 1$ và chỉ số trên đã giảm nhẹ trong năm, tại 31/12/2020 chỉ số trên đạt 1,212 là mức đảm bảo yêu cầu.

b. Chỉ số thanh toán nhanh:

Chỉ số khả năng thanh toán nhanh theo số liệu báo cáo hợp nhất tại 31/12/2019: 0,509 và 31/12/2020: 0,686. Như vậy, chỉ số thanh toán nhanh có độ biến thiên theo chiều hướng tăng.

Khi phân tích các yếu tố của hai chỉ tiêu này có một điểm cần lưu ý như sau:

BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT

Đơn vị: triệu đồng

T T	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2020	Số dư tại 31/12/2019	Chênh lệch	Độ biến thiên (%)
I	Tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản	118.936	85.863	33.073	38,52%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	195	194	1	0,52%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	115.810	81.026	34.784	42,93%
2.1	Phải thu ngắn hạn KH	90.915	63.703	27.212	42,72%
2.2	Trả trước cho người bán	25.930	18.045	7.885	43,70%
2.3	Các khoản phải thu khác	2.133	405	1.728	426,67%
2.4	Dự phòng phải thu khó đòi	(3.168)	(1.127)	(2.041)	181,10%
3	Tài sản ngắn hạn khác	931	1.643	(712)	100,00%
4	Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000	3.000	(1.000)	100,00%
II	Hàng tồn kho	90.998	124.077	(33.079)	-26,66%
1	Nguyên liệu, vật liệu	19.577	17.138	2.439	14,23%
2	Công cụ, dụng cụ	2.788	2.978	(190)	-6,38%
3	Sản phẩm dở dang	37.435	73.152	(35.717)	-48,83%
4	Thành phẩm	30.813	30.809	4	0,01%
5	Hàng hóa	385	-	385	
	Tài sản ngắn hạn	209.934	209.940	(6)	0,00%

Theo bảng số liệu trên ta thấy:

Hàng tồn kho và nợ phải thu khách hàng của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, theo số liệu của Báo cáo tài chính tại 31/12/2020 là: 86,65%.

Nguyên nhân là do:

- Các công trình đang thực hiện dở dang hoặc các công trình đã hoàn thành nhưng chưa hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, quyết toán để xuất hóa đơn như: Thủy điện Nà Sản.

- Nợ phải thu các công trình thủy công, thủy lợi là rất lớn, trong đó có các khoản công nợ tồn tại từ lâu. Một số khoản nợ phải thu có số dư lớn tại 31/12/2020 như sau: Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La (41,6 tỷ đồng), Công ty CP thương mại Sao Mai (9,1 tỷ đồng), Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại 299 (1,6 tỷ đồng), ...

1.2. Phân tích một số chỉ tiêu của Kết quả hoạt động SXKD năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần BH, CC DV	114.450	170.826	-33,00%
Giá vốn hàng bán	105.692	154.996	-31,81%
Doanh thu tài chính	196	289	-32,18%
Chi phí tài chính	8.091	15.868	-49,01%
Chi phí bán hàng	124	207	-40,10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.727	-71	-9.574,65%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD	(5.988)	115	-5.306,96%
Chỉ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động SX, KD	(0,0523)	0,0007	
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV			

Đánh giá mối liên hệ giữa các yếu tố chi phí với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số liệu báo cáo hợp nhất (so sánh số liệu của năm 2020 với năm 2019):

- **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:**
 - Doanh thu (DT) thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm 33,00%.
- **Giá vốn hàng bán:**
 - Giá vốn hàng bán của năm 2020 giảm 31,81% trong khi DT giảm 33,00%.
- **Chi phí tài chính:**
 - Chi phí tài chính của năm 2020 giảm 49,01% trong khi DT giảm 33,00%. Chi phí tài chính năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 do năm 2020 công ty không trích lập thêm các khoản dự phòng tổn thất đầu tư lớn trong khi năm 2019 Công ty ghi nhận khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn điện 7,2 tỷ đồng.
- **Chi phí bán hàng:**
 - Chi phí bán hàng của năm 2020 giảm 40,10% trong khi DT giảm 33,00%
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:**
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng 9.574,65% trong khi DT giảm 33,00%. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 tăng mạnh so với năm 2019 do năm 2019 Công ty đã hoàn nhập khoản phải thu khó đòi hơn 8,83 tỷ đồng.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh:**
 - Số lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên 100 đồng doanh thu của năm 2020 là (5.23) đồng, trong khi đó số liệu năm 2019 là 0.07 đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ c.môn	Chức vụ
1	Cáp Đức Vượng	1981	Án Thi, Hưng yên	Thanh Trì, Hà Nội	KS Công nghệ CTM	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
2	Lê Đăng Thuận	1966	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Nam Từ Liêm, HN	KS Hóa, KS QTDN	Phó TGD, Giám đốc XN KCT Mạ
4	Nguyễn Anh Minh	1970	Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc
5	Cáp Đức Vượng	1981	Án Thi, Hưng yên	Thanh Trì, Hà Nội	KS Công nghệ CTM	Trưởng phòng SX-KD
6	Nguyễn Sỹ Anh	1969	TP Vinh, Nghệ An	Cầu Giấy, Hà Nội	KS Cơ khí CTM	Trưởng phòng KT-CL
7	Nguyễn Nghiêm Đức	1980	Hoài Đức, Hà Nội	Ba Đình, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng VT-XNK

8	Đỗ Hồng Quân	1974	Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng TC- HC
---	--------------	------	-----------------------	--------------------	--------------------	------------------------

2.2. Người lao động: Tổng số lao động của Công ty tính đến 31/12/2020 là 90 người. Người lao động của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động. Công ty trả lương cho người lao động theo Quy chế trả lương của Công ty thông qua các hình thức trả lương theo vị trí (đối với lao động gián tiếp) và trả lương khoán sản phẩm (đối với lao động trực tiếp sản xuất).

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

a) Công tác đầu tư xây dựng: Trong năm không có dự án đầu tư xây dựng nào

b) Đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác:

(i) Đầu tư tài chính: Không

(ii) Góp vốn vào doanh nghiệp khác:

- Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện (từ tháng 12/2018 đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng nguồn điện) đã được giảm từ 100% xuống còn 36% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 7,2 tỷ đồng.

- Vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Thương mại và Xây lắp điện lực là 25% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 1,25 tỷ đồng.

- Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật (VJPS) là 30.899,52 triệu đồng tương ứng 36% vốn điều lệ

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là 3.115.409 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ cổ phần là cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
I	Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu			
A	Cổ đông lớn	2.091.065	67,12%	
1	Lê Minh Hải	1.130.780	36,30%	
2	Lê Nam Hưng	773.351	24,82%	
3	Nguyễn Xuân Quang	186.934	6,00%	
B	Các cổ đông khác	1.024.334	32,88%	
II	Phân loại cổ đông là tổ chức, cá nhân			
1	Cổ đông là tổ chức	0	0%	
2	Cổ đông là cá nhân	3.115.409	100%	
III	Phân loại cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	3.115.409	100%	
2	Cổ đông nước ngoài	0		
IV	Phân loại cổ đông nhà nước, cổ đông khác			
1	Cổ đông nhà nước	0		
2	Cổ đông khác	3.115.409	100%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: không có

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm trong năm:

- Sắt thép: 700 tấn

- Kẽm kim loại: 80 tấn

- Hóa chất các loại: 20 tấn

b) Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: không

5.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện, dầu FO, khí hóa lỏng (gas, O₂, CO₂)

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả của sáng kiến: không

5.3 Tiêu thụ năng lượng nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: giếng khoan và hệ thống nước sạch của Tp.Hà Nội

- Lượng nước sử dụng: Bình quân 10 -:- 20 m³/ngày-đêm

b) Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Tổng số lao động (đến 31/12/2020): 90 người

Thu nhập bình quân: 6.300.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được hưởng các chế độ ốm đau, thai sản, DS-PHSK; được huấn luyện và cấp chứng nhận về AT-VSLĐ; ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Nội dung đào tạo: huấn luyện AT-VSLĐ, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ

- Hình thức đào tạo: Công ty phối hợp với cơ sở đào tạo chuyên ngành để tổ chức các lớp huấn luyện AT-VSLĐ; cử cán bộ, nhân viên tham dự các khóa tập huấn CMNV bên ngoài.

5.6 Trách nhiệm liên quan đến cộng đồng địa phương: Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và công tác quân sự, an ninh trên địa bàn huyện Gia Lâm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo và giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt

5.7 Hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty đã triển khai thực hiện hướng ứng Kế hoạch phát triển tăng trưởng xanh của UBCK và Bộ Tài chính, qua đó vừa duy trì hoạt động SXKD có hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo môi trường xã hội được an toàn và ổn định; hoạt động SXKD của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

* Những thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động SXKD:

- Công ty có nhiều đối tác là khách hàng truyền thống, tin tưởng và gắn bó lâu dài với Công ty trong việc chế tạo KCT thủy công, mạ kẽm nóng và chế tạo cột thép mạ kẽm.

- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty, sự hỗ trợ, hợp tác của các đơn vị, Công ty đã ký được một số hợp đồng quan trọng từ đó đã phần nào ổn định được việc làm, từng bước vượt qua khó khăn để duy trì sản xuất kinh doanh và phát triển. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ nhân sự làm việc lâu năm, gắn bó với Công ty và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Năm 2020, nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, trong khi đó lãi vay ngân hàng cao, hạn mức bị thu hẹp ảnh hưởng rất lớn đến quá trình cung cấp vật tư phục vụ sản xuất.

- Lao động trực tiếp liên tục giảm mạnh dẫn đến thiếu người làm trong khi công việc thì có.

- Máy móc thiết bị lạc hậu, hay xảy ra hỏng hóc do quá trình làm nhiều mà không được bảo dưỡng kịp thời. Không trang bị thêm máy móc để phục vụ sản xuất.

- Dây chuyền chế tạo tấm sân đầu tư không hiệu quả, không đủ chi phí nuôi bộ máy.
- Mức lương của người lao động Công ty còn khá thấp so với nhu cầu tiêu dùng tối thiểu trên thị trường hiện nay cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý làm việc của người lao động.

* **Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020:**

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện/KH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	221.800	114.450	51,60%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	219.500	105.692	48,15%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng		(5.995)	
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	7,300	7,000	95,9%

* **Phân tích kết quả hoạt động SX-KD năm 2020:**

- Công ty đã thực hiện giá trị tổng doanh thu đạt 51,6% so với kế hoạch đề ra. Năm 2020 việc cung cấp cột thép mạ kẽm bị hạn chế nhiều do giá đầu thầu rất thấp, Công ty đã không tham gia một số dự án lớn, mà dựa nhiều vào các mối quan hệ khách hàng trước đây về xây lắp để ký các hợp đồng cung cấp cột thép có giá trị nhỏ từ vài chục tấn đến vài trăm tấn.
- Công tác mạ kẽm nhúng nóng: Trong năm 2020, công tác mạ kẽm nhúng nóng gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó giá kẽm đầu vào vẫn ở mức cao, giá bán sản phẩm không tăng dẫn đến sản lượng mạ giảm và hiệu quả kinh doanh không cao.

2. Tình hình tài chính:

Tình hình tài sản:

DVT: Triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/2020	Số dư tại 01/01/2020
I	Tài sản ngắn hạn	209.933,75	209.939,75
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	194,70	194,26
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	115.810,16	81.026,03
3.1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	90.915,38	63.702,91
3.2	Trả trước cho người bán	25.929,56	18.044,78
3.3	Phải thu ngắn hạn khác	2.133,58	404,85
3.4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.168,36)	(1.126,51)
4	Tài sản ngắn hạn khác	931,43	1.642,95
5	Hàng tồn kho	90.997,81	124.076,50
II	Tài sản dài hạn	37.658,66	37.972,67
1	Các khoản phải thu dài hạn	2.606,324	4.520,27
2	Tài sản cố định	3.467,41	1.377,69
3	Tài sản dở dang dài hạn		-
4	Đầu tư tài chính dài hạn	31.567,01	32.059,30
5	Tài sản dài hạn khác	17,92	15,42
III	Tổng tài sản	247.592,41	247.912,43

Tại thời điểm 31/12/2020 tổng tài sản cuối năm giảm 320,15 triệu đồng (giảm 0,13%) so với đầu năm.

Trong cơ cấu của các mục tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản thì mục phải thu khách hàng có giá trị cao nhất: tại thời điểm 31/12/2020 là 90,915 tỷ đồng. Với đặc thù của các khoản phải thu khách hàng thì tính thanh khoản của nó còn phụ thuộc vào yếu tố khách quan có tính chi phối lớn

đó là nguồn tiền thanh toán của khách hàng. Tuy nhiên, so với đầu năm 2020, tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng tăng tương đối mạnh, điều này cho thấy trong năm Công ty chưa có các biện pháp tích cực để thu hồi các khoản công nợ.

Ngoài ra, hàng tồn kho của Công ty cũng đang chiếm tỷ trọng lớn – theo số liệu của Báo cáo tài chính tại 31/12/2020 là 43,33% so với tài sản ngắn hạn và 36.75% so với tổng tài sản. Nguyên nhân là do các công trình đang thực hiện dở dang hoặc các công trình đã hoàn thành nhưng chưa ký được nghiệm thu, quyết toán để xuất hóa đơn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm công ty đã thực hiện điều động, giao nhiệm vụ cho CBQL của các đơn vị (phòng, ban, xí nghiệp và nhà máy) để đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục duy trì khai thác sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống của Công ty (cột thép, xà thép mạ kẽm, thiết bị kết cấu thép thủy công, kết cấu thép nhà máy nhiệt điện, sản phẩm mạ kẽm nhúng nóng và các sản phẩm kết cấu thép phi tiêu chuẩn khác)

- Sắp xếp lại các dây chuyền sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả công suất của các máy, thiết bị trong dây chuyền, tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý, tinh giản bộ máy, đào tạo lại người lao động để nâng cao hiệu quả SXKD.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2020, trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là đối với sản phẩm cột thép, xà thép mạ kẽm và thế mạnh của Công ty là sản xuất các thiết bị, kết cấu thép thủy công không được phát huy hết công suất do các nhà máy thủy điện đang trong giai đoạn cuối, không có các dự án lớn nên công tác tìm kiếm việc làm ngày càng khó khăn.

Do vậy, Công ty cần tập trung định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà Công ty có thế mạnh, kết hợp với việc hợp lý hóa quá trình tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất lao động, coi trọng công tác đào tạo, thu hút lao động là công nhân có tay nghề cao, cán bộ quản lý giỏi.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã có dự chi đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần nâng động hơn trong việc tìm kiếm các hợp đồng, đảm bảo việc làm cho người lao động;

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

HĐQT tập trung chỉ đạo công tác điều hành theo hướng tiếp tục duy trì và phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống; đồng thời, tập trung nghiên cứu đầu tư sản xuất các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, tạo việc làm ổn định cho người lao động và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp và lần lượt ý kiến biểu quyết các thành viên Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành các nghị quyết và quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên

- HĐQT đã phân công các thành viên tổ chức triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2020, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý hoạt động điều hành hoạt động SXKD;

- HĐQT thường xuyên thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT chỉ đạo

Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật;

2. Ban Kiểm soát (BKS):

a) Thành viên và cơ cấu của BKS:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP sử hữu (tại 15/4/2021)	Ghi chú
1	Hoàng Sơn Thọ	Trưởng BKS	0	
2	Lê Thị Ngọc Thương	TV BKS	0	
3	Phan Thị Thu Hằng	TV BKS	0	

b) Hoạt động của BKS:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty trên các mặt hoạt động đối với HĐQT, Ban TGD và các cấp quản lý khác trong Công ty. Trong đó, BKS đã chú trọng thực hiện công tác kiểm tra số liệu kế toán và phối hợp với đơn vị kiểm toán trong quá trình soát xét Báo cáo tài chính của Công ty nhằm đảm bảo số liệu trong Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, khách quan, căn trọng, phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành và trên nguyên tắc bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Thù lao HĐQT			
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	0	
2	Lê Đăng Thuận	TV HĐQT	0	
3	Phạm Thu Hằng	TV HĐQT	0	
4	Nguyễn Đức Bách	TV HĐQT	0	
5	Nguyễn Doãn Bình	TV HĐQT	0	
II	Thù lao BKS			
1	Hoàng Sơn Thọ	Trưởng BKS	0	
2	Lê Thị Ngọc Thương	TV BKS	0	
3	Phan Thị Thu Hằng	TV BKS	0	

b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán: theo Báo cáo kiểm toán số 2404.01/2020/BCTC-NVT2 ngày 15/4/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, cụ thể như sau:

Số : /2020/ BCTC- NVT2
Ngày : 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 15 tháng 4 năm 2021 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn ' cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ' Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 được kiểm toán: (Theo Phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, TKCT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Minh Hải

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 41
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020</i>	14 - 41
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	42

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực được thành lập theo quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị Điện thành Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101643744 ngày 30 tháng 03 năm 2005 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0101643744 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 31.154.090.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 8171498
Email : ekdl@vnn.vn
Mã số thuế : 0101643744

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Bách	Ủy viên	
Ông Nguyễn Doãn Bình	Ủy viên	
Ông Lê Nam Hưng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 07 tháng 02 năm 2021
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 07 tháng 02 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)**

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Sơn Thọ	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Thương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hằng	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Bách	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Từ nhiệm từ ngày 01 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công bố trách nhiệm của Ban lãnh đạo đối với Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ - CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 và Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2021

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

Số : 2404.01/2020/BCTC - NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 15 tháng 04 năm 2021 từ trang 07 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 90, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Tân Lợi, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2020. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm: phải thu ngắn hạn khách hàng 20,96 tỷ; trả trước cho người bán ngắn hạn 3,23 tỷ; phải thu dài hạn khách hàng 1,15 tỷ; phải trả người bán ngắn hạn 29,63 tỷ; người mua trả tiền trước ngắn hạn 14,52 tỷ; phải trả người bán dài hạn 7,3 tỷ; người mua trả tiền trước dài hạn 2,20 tỷ; vay và nợ thuê tài chính dài hạn 1,67 tỷ. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các khoản công nợ nêu trên đối với Báo cáo tài chính Công ty năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 về việc Công ty bị Cục Thuế Thành phố Hà Nội thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 55880/QLN ngày 23/6/2020 do nợ tiền thuế và chậm nộp tiền thuế. Vấn đề trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của công ty, tuy nhiên Báo cáo tài chính năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến Ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính của Chúng tôi đã nêu trên đây.

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh
GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn
GCNDKHNKT số: 4497-2018-124-1

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.933.751.989	209.939.753.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	194.707.075	194.264.595
1. Tiền	111		194.707.075	194.264.595
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.999.652.055	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.999.652.055	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.810.158.336	81.026.029.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	90.915.381.488	63.702.911.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	25.929.556.408	18.044.778.310
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.133.579.582	404.853.369
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.168.359.142)	(1.126.512.969)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		90.997.806.458	124.076.504.097
1. Hàng tồn kho	141	V.6	90.997.806.458	124.076.504.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		931.428.065	1.642.955.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		929.810.061	1.642.955.303
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.618.004	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.658.661.284	37.972.674.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.606.324.850	4.520.269.301
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	2.492.235.050	4.520.269.301
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	114.089.800	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.467.407.419	1.377.688.559
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.442.436.943	1.377.688.559
<i>Nguyên giá</i>	222		33.085.877.062	35.451.097.348
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.643.440.119)	(34.073.408.789)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	2.024.970.476	-
<i>Nguyên giá</i>	225		2.074.360.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(49.389.524)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		225.742.000	225.742.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(225.742.000)	(225.742.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	31.567.009.697	32.059.298.052
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.099.520.000	38.099.520.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.250.000.000	1.250.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.782.510.303)	(7.290.221.948)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.919.318	15.418.376
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.919.318	15.418.376
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247.592.413.273	247.912.428.245

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		188.906.152.364	183.230.653.776
I. Nợ ngắn hạn	310		173.255.124.320	168.745.877.018
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	58.900.558.675	48.357.728.786
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11a	14.522.420.762	10.205.734.579
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.789.990.498	8.974.730.676
4. Phải trả người lao động	314		1.517.569.734	881.184.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	3.127.305.929	183.322.878
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	4.227.061.308	3.455.107.844
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	78.955.437.963	93.423.288.177
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.214.779.451	3.214.779.451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.651.028.044	14.484.776.758
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	11.783.090.758	11.783.090.758
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11b	2.201.686.000	2.201.686.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	1.666.251.286	500.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lực

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

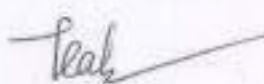
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.686.260.909	64.681.774.469
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	58.686.260.909	64.681.774.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.976.229.844	17.976.229.844
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.519.677.568	7.515.191.128
- LNST chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước	421a		7.515.191.128	6.446.892.205
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.995.513.560)	1.068.298.923
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		247.592.413.273	247.912.428.245

Người lập biểu



Vũ Thị Lê Hoa

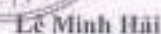
Phụ trách kế toán



Lê Hồng Hạnh

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hồ Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	114.450.097.724	170.826.080.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.450.097.724	170.826.080.024
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	105.692.252.693	154.996.426.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.757.845.031	15.829.653.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	196.357.964	289.634.212
7. Chi phí tài chính	22	VL4	8.091.421.640	15.867.901.206
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.599.133.285	8.537.097.198
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	123.964.372	207.211.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	6.726.841.079	(70.624.431)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.988.024.096)	114.799.801
11. Thu nhập khác	31	VL7	322.028.409	6.680.361.041
12. Chi phí khác	32	VL8	329.517.873	5.419.078.362
13. Lợi nhuận khác	40		(7.489.464)	1.261.282.679
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.995.513.560)	1.376.082.480
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL9	-	307.783.557
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.995.513.560)	1.068.298.923
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	(1.924)	343

Người lập biểu

Vũ Thị Lê Hoa

Phụ trách kế toán

Lê Hồng Hạnh

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.995.513.560)	1.376.082.480
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		506.041.140	780.607.548
- Các khoản dự phòng	03		2.534.134.528	(1.544.328.790)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(405.448.873)	(6.916.132.054)
- Chi phí lãi vay	06		7.599.133.285	8.537.097.198
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.238.346.520	2.233.326.382
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.940.926.858)	42.480.347.682
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		33.078.697.639	1.738.302.550
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.916.428.185	(19.045.847.402)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.500.942)	3.006.447.482
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.655.150.234)	(9.110.962.715)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(310.582.011)	(236.482.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	5.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.324.312.299	21.070.131.017
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(573.540.000)	(300.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		230.000.000	33.441.915.615
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.113.776.843)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.347.945	13.852.127.078
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		196.357.964	169.134.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		853.165.909	37.049.400.062

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		75.097.254.353	140.912.098.252
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.223.583.503)	(199.676.265.313)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(50.706.578)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(15.177.035.728)</i>	<i>(58.764.167.061)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		442.480	(644.635.982)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	194.264.595	838.900.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	194.707.075	194.264.595

Người lập biểu



Vũ Thị Lê Hoa

Phụ trách kế toán



Lê Hồng Hạnh

Lập, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
 - Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
 - Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
 - Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**:
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019.
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Các Công ty liên doanh liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	Số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Xây lắp, lắp đặt và hoàn thiện công trình	14%	14%
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	36%	36%
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Nội Duê, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất các thiết bị đóng mở cửa bằng điện, sạc acquy, chuông điện, còi báo động, dây cáp kim loại cơ bản	36%	36%

- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 83 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường; chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 49
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Doanh nghiệp bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Doanh nghiệp sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	22.019.500	25.944.400
Tiền gửi ngân hàng	172.687.575	168.320.195
Cộng	194.707.075	194.264.595

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	1.999.652.055	1.999.652.055	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	1.999.652.055	1.999.652.055	3.000.000.000	3.000.000.000

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>38.899.520.000</i>	<i>(7.634.908.937)</i>	<i>30.464.611.063</i>	<i>38.899.520.000</i>	<i>(7.200.000.000)</i>	<i>30.899.520.000</i>
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (2)	30.899.520.000	(434.908.937)	30.464.611.063	30.899.520.000	-	30.899.520.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện (3)	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-
<i>Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>1.250.000.000</i>	<i>(147.601.366)</i>	<i>1.102.398.634</i>	<i>1.250.000.000</i>	<i>(90.221.948)</i>	<i>1.159.778.052</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	1.250.000.000	(147.601.366)	1.102.398.634	1.250.000.000	(90.221.948)	1.159.778.052
Cộng	39.349.520.000	(7.782.510.303)	31.567.009.697	39.349.520.000	(7.290.221.948)	32.059.298.052

(1) Là Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102277988, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 7 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm 2019 Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực đã tăng vốn lên 9.000.000.000 dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực giảm từ 25% xuống còn 14% và được phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật (nay là Công ty Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0801147808, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp đủ số vốn góp 30.899.520.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300343731, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 1 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp đủ số vốn góp 7.200.000.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	11.578.650.104	11.792.330.506
Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật	-	213.680.402
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn Điện	11.578.650.104	11.578.650.104
Phải thu các khách hàng khác	79.336.731.384	51.910.580.746
Ban Quản lý dự án 3	2.201.824.180	2.585.004.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.652.811.900	5.764.526.750
Công ty TNHH Hà Thành	-	9.639.725.957
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	41.608.726.118	8.856.052.701
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Minh Quang	1.157.425.244	1.157.425.244
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	1.533.311.832	1.533.311.832
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng cơ khí Đồng Tâm	-	1.797.052.400
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.674.447.254	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sao Mai	9.145.904.290	-
Công ty Cơ Khí Việt Á - (TNHH)	2.450.342.233	608.190.793
Các khách hàng khác	16.911.938.333	19.969.290.889
Cộng	90.915.381.488	63.702.911.252

b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	2.492.235.050	4.520.269.301
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.340.518.050	1.340.518.050
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre	1.151.717.000	1.151.717.000
Công ty TNHH Hà Thành	-	1.528.034.251
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	-	500.000.000
Cộng	2.492.235.050	4.520.269.301

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>19.760.010.690</i>	<i>16.617.301.990</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	19.760.010.690	16.617.301.990
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>6.169.545.718</i>	<i>1.427.476.320</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Trung	593.914.217	593.914.217
Công ty Cổ phần máy và thiết bị thủy lực	1.122.000.000	-
Công ty TNHH chế tạo TĐ và TM Việt Nhật	636.383.000	-
Công ty Cổ phần cơ khí thiết bị điện Hà Nội	540.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.277.248.501	833.562.103
Cộng	25.929.556.408	18.044.778.310

5. Phải thu khác**a, Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.440.283.445</i>	-	<i>4.078.668</i>	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	4.078.668	-	4.078.668	-
Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng Nguồn điện - phải thu tiền lương thanh toán hộ	1.436.204.777	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>693.296.137</i>	-	<i>400.774.701</i>	-
Tạm ứng	489.187.503	-	327.553.603	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	204.108.634	-	73.221.098	-
Cộng	2.133.579.582	-	404.853.369	-

b, Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>114.089.800</i>	-
Ký cược, ký quỹ thuế tài chính	114.089.800	-
Cộng	114.089.800	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.576.503.049	-	17.138.378.866	-
Công cụ, dụng cụ	2.788.421.386	-	2.977.768.446	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.435.122.702	-	73.151.785.210	-
Thành phẩm	30.812.577.990	-	30.808.571.575	-
Hàng hóa	385.181.331	-	-	-
Cộng	90.997.806.458	-	124.076.504.097	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.513.694.833	18.306.144.097	6.164.353.461	466.904.957	35.451.097.348
Mua trong năm	-	521.400.000	-	-	521.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.000.000)	(566.620.286)	-	(886.620.286)
Số cuối năm	10.513.694.833	18.507.544.097	5.597.733.175	466.904.957	35.085.877.062
Trong đó					
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	9.692.472.579	16.226.010.497	6.116.353.461	466.904.957	32.501.741.494
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.009.885.662	17.455.464.709	6.141.153.461	466.904.957	34.073.408.789
Khấu hao trong năm	71.964.526	375.087.090	9.600.000	-	456.651.616
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.000.000)	(566.620.286)	-	(886.620.286)
Số cuối năm	10.081.850.188	17.510.551.799	5.584.133.175	466.904.957	33.643.440.119
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	503.809.171	850.679.388	23.200.000	-	1.377.688.559
Số cuối năm	431.844.645	996.992.298	13.600.000	-	1.442.436.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	2.074.360.000	2.074.360.000
Số cuối năm	2.074.360.000	2.074.360.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	49.389.524	49.389.524
Số cuối năm	49.389.524	49.389.524
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	2.024.970.476	2.024.970.476

10. Phải trả người bán*a) Phải trả người bán ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>58.900.558.675</i>	<i>58.900.558.675</i>	<i>48.357.728.786</i>	<i>48.357.728.786</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Sao Mai	17.092.071.260	17.092.071.260	8.569.781.368	8.569.781.368
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cơ khí Đồng Tâm	3.422.169.484	3.422.169.484	6.446.745.260	6.446.745.260
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	3.481.042.358	3.481.042.358	3.481.042.358	3.481.042.358
Công ty TNHH Sản xuất Đầu tư và Thương mại Thành Lợi Việt Nam	5.126.427.085	5.126.427.085	-	-
Các nhà cung cấp khác	29.778.848.488	29.778.848.488	29.860.159.800	29.860.159.800
Cộng	58.900.558.675	58.900.558.675	48.357.728.786	48.357.728.786

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan				
Công ty cổ phần thương mại và Xây lắp Điện lực	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739	4.463.515.739
Phải trả người bán dài hạn khác				
Công ty Cổ phần công nghệ công nghiệp INTEC	7.319.575.019	7.319.575.019	7.319.575.019	7.319.575.019
Cộng	11.783.090.758	11.783.090.758	11.783.090.758	11.783.090.758

11. Người mua trả tiền trước**a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	7.443.852	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	7.443.852	-
Trả trước của các khách hàng khác	14.514.976.910	10.205.734.579
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	8.416.667.000	2.940.322.000
Công ty Cổ phần Thương mại Sao Mai	-	5.948.628.337
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện 1	800.000.000	-
Công ty Cổ phần cơ khí - thương mại xây lắp điện 4	939.368.160	-
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Bạc	1.439.722.126	-
Các khách hàng khác	2.919.219.624	1.316.784.242
Cộng	14.522.420.762	10.205.734.579

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	2.201.686.000	2.201.686.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.201.686.000	2.201.686.000
Cộng	2.201.686.000	2.201.686.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.283.541.867	-	3.037.966.391	(2.758.520.602)	8.562.987.656	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.964.007	-	-	(310.582.011)	-	1.618.004
Thuế thu nhập cá nhân	17.840.138	-	21.334.040	-	39.174.178	-
Thuế tài nguyên	1.502.280	-	-	(156.000)	1.346.280	-
Tiền thuế đất	296.648.063	-	-	(176.400.000)	120.248.063	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	66.234.321	-	-	-	66.234.321	-
Cộng	8.974.730.676	-	3.062.300.431	(3.248.658.613)	8.789.990.498	1.618.004

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.127.305.929	183.322.878
Cộng	3.127.305.929	183.322.878

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	480.000.000	480.000.000
Ông Lê Minh Hải	480.000.000	480.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	3.747.061.308	2.975.107.844
Kinh phí công đoàn	875.555.421	890.705.421
Bảo hiểm xã hội	1.751.847.977	878.268.945
Bảo hiểm y tế	625.455.261	625.455.261
Bảo hiểm thất nghiệp	313.268.553	278.589.124
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	180.934.096	302.089.093
Cộng	4.227.061.308	3.455.107.844

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.575.089.027	54.575.089.027	77.826.008.377	77.826.008.377
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương(1)</i>	33.018.100.924	33.018.100.924	51.795.017.164	51.795.017.164
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)</i>	21.556.988.103	21.556.988.103	26.030.991.213	26.030.991.213
Vay ngắn hạn các cá nhân	23.771.870.000	23.771.870.000	15.647.279.800	15.647.279.800
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	608.478.936	608.478.936	-	-
Cộng	78.955.437.963	78.955.437.963	93.473.288.177	93.473.288.177

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 02 tháng 8 năm 2019. Tổng hạn mức tín dụng cho vay là : 54.740.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 16 tháng 4 năm 2018. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020. Mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng lắp đặt công trình, gia công cơ khí, sản xuất cột thép và kết cấu thép, mạ kim loại và kinh doanh vật tư trang thiết bị. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khung ước nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: 01-2012/CKDL/HĐTCTS ngày 20/11/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/NHCT128-CKDL ký ngày 12 tháng 8 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 04/2013-HĐTC/NHCT128-CKDL ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 05-2013/HĐTC/128-PEC/HUOI QUANG ngày 13 tháng 11 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2016/HĐTC/128-PEC/THANHSON ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02-2016/HĐTC/128-PEC/SONGLO 4 ngày 01 tháng 02 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03-2016/HĐTC/128-PEC/HUOIVANG ngày 06 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/128-PEC ngày 11 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2009-HĐTC/CD/PEC ngày 15 tháng 12 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2015/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 17 tháng 4 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 07 tháng 11 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2018/HĐTCQTS/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 01 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2019/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02/2019/HĐBD/NHCT128-PEC ngày 29 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2015/2019/HĐTC/NHCT128-PEC/SONGLO4 ngày 3 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh tại Hà Nội theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2020/CVHM/VCBHN-CKDL.10750616 ký ngày 08 tháng 01 năm 2020 hạn mức cho vay là 31.250.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không quá ngày 25/01/2021. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các hợp đồng bảo đảm sau:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cầm cố số 01/2019/CCTK/VCBHN-CKDL ký ngày 28/05/2019 và các phụ lục kèm theo.

+ Thế chấp xe ô tô Lexus biển kiểm soát 30T-5703 theo hợp đồng thế chấp số 01/19/TC/PTGT/VCBHN-CKDL ký ngày 06/09/2019

+ Thế chấp xe ô tô Audi Q5, biển kiểm soát 29A-525.89 của ông Lê Minh Hải theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/TCTS/VCBHN-PEC ký ngày 14/7/2017.

+ Thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Lê Minh Hải và bà Nguyễn Thị Thúy Nga theo hợp đồng thế chấp số 01/19/TC/BDS/VCBHN-CKDL ngày 6/9/2019

+ Cầm cố 775.814 cổ phần Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực của ông Lê Minh Hải theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 02/2017/TC/VCBHN-PEC ký ngày 13/10/2017

+ Thế chấp toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại/ quyền đòi nợ từ đối tác/ hợp đồng phát sinh từ phương án ngân hàng tài trợ theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 01/2020/HDDTC/HTK-KPT/CKDL.10750616 ký ngày 15/1/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 36 có địa chỉ tại thôn Tân Trường, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang của ông Lê Minh Hải và bà Nguyễn Thị Thúy Nga theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CT100443 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 12/9/2019 theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/BDS/VCBHN-CKDL.10750616 ký ngày 10/1/2020

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Kết chuyển từ vay nợ dài hạn	Số tiền vay đã	Số cuối năm
		phát sinh trong năm		trả trong năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	77.826.008.377	47.626.554.353	-	(70.877.473.703)	54.575.089.027
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	15.647.279.800	27.470.700.000	-	(19.346.109.800)	23.771.870.000
Nợ thuế tài chính dần hạn trả	-	-	608.478.936	-	608.478.936
Cộng	93.473.288.177	75.097.254.353	608.478.936	(90.223.583.503)	78.955.437.963

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn các cá nhân	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Nợ thuế tài chính	1.166.251.286	1.166.251.286	-	-
<i>Công ty cho thuê tài chính TNHH Sumi Trust - CN Hà Nội (*)</i>	<i>1.166.251.286</i>	<i>1.166.251.286</i>	-	-
Cộng	1.666.251.286	1.666.251.286	500.000.000	500.000.000

(*) Là khoản thuế tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH Sumi Trust - CN Hà Nội theo hợp đồng số 21720000178/HĐCTTC ngày 18/08/2020, tài sản thuê tài chính là máy cắt đột thép góc CNC, thời hạn thuê là 36 tháng, lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nhận nợ, sau thời gian đó lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển	Số cuối năm
		phát sinh trong năm		sang vay nợ ngắn hạn	
Vay dài hạn các tổ chức khác	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Nợ thuế tài chính	-	1.825.436.800	(50.706.578)	(608.478.936)	1.166.251.286
Cộng	500.000.000	1.825.436.800	(50.706.578)	(608.478.936)	1.666.251.286

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.446.892.205	63.613.475.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.068.298.923	1.068.298.923
Số dư cuối năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	7.515.191.128	64.681.774.469
Số dư đầu năm nay	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	7.515.191.128	64.681.774.469
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(5.995.513.560)	(5.995.513.560)
Số dư cuối năm	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	1.519.677.568	58.686.260.909

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	265,23	265,23
Euro (EUR)	202,42	202,42

b, Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Các đối tượng khác	5.140.000.000	5.140.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	5.140.000.000	5.140.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	17.073.261.343	51.991.275.253
Doanh thu bán thành phẩm	72.309.534.374	101.418.289.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.067.302.007	17.416.515.213
Cộng	114.450.097.724	170.826.080.024

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	-	361.816
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	6.055.920	-
Cộng	6.055.920	361.816

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.032.883.137	52.548.784.956
Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.742.707.048	83.276.061.413
Giá vốn cung cấp dịch vụ	35.916.662.508	19.171.579.891
Cộng	105.692.252.693	154.996.426.260

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	196.357.964	169.134.212
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	120.500.000
Cộng	196.357.964	289.634.212

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.599.133.285	8.537.097.198
Lãi mua hàng trả chậm	-	40.582.060
Dự phòng tổn thất đầu tư	492.288.355	7.290.221.948
Cộng	8.091.421.640	15.867.901.206

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.737.100	114.156.400
Các chi phí khác	18.227.272	93.055.000
Cộng	<u>123.964.372</u>	<u>207.211.400</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.153.643.775	5.836.277.602
Chi phí vật liệu quản lý	8.322.673	63.901.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	390.933.148	48.574.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	97.047.650
Thuế, phí và lệ phí	35.486.363	569.676.329
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.041.846.173	(8.834.550.738)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.493.933	779.848.915
Các chi phí khác	709.115.014	1.368.600.041
Cộng	<u>6.726.841.079</u>	<u>(70.624.431)</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	209.090.909	6.626.497.842
Thu nhập từ bán phế liệu	87.937.500	-
Thu nhập khác	25.000.000	53.863.199
Cộng	<u>322.028.409</u>	<u>6.680.361.041</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	329.517.872	273.535.305
Xóa nợ khó đòi	-	5.140.000.000
Phạt vi phạm hợp đồng	-	5.400.000
Chi phí khác	1	143.057
Cộng	<u>329.517.873</u>	<u>5.419.078.362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.995.513.560)	1.376.082.480
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	329.517.872	162.835.305
- Các khoản điều chỉnh giảm	329.517.872	283.335.305
Phạt thuế, truy thu thuế	329.517.872	273.535.305
Chi phí ủng hộ	-	9.800.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(120.500.000)
Có tức, lợi nhuận được chia	-	(120.500.000)
Thu nhập tính thuế	(5.665.995.688)	1.538.917.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	20%	20%
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	307.783.257

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.995.513.560)	1.068.298.922
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.995.513.560)	1.068.298.922
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.115.405	3.115.405
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.924)	34

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.115.405	3.115.405
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.115.405	3.115.405

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.631.887.162	89.954.925.111
Chi phí nhân công	7.219.599.116	11.875.625.441
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.041.140	780.607.548
Thuế, phí và lệ phí	35.486.363	569.676.329
Chi phí trích lập dự phòng	2.041.846.173	(8.834.550.738)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.545.726.696	13.537.020.328
Chi phí khác	3.816.932.264	1.526.479.552
Cộng	59.797.518.914	109.409.783.571

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Doãn Bình		
Tạm ứng	20.815.400	83.900.000
Hoàn tạm ứng	10.075.000	83.900.000
Ông Lê Minh Hải		
Phải trả tiền vay	-	330.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý là chủ chốt và các cá nhân liên quan được thuyết minh ở mục V.14.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	901.110.036	1.030.828.916
Cộng	901.110.036	1.030.828.916

B. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực

Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết; Chủ

tịch HĐQT là người

đại diện pháp luật

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực		
Phải thu tiền bán hàng	6.661.512	-
Phải thu cổ tức	-	120.500.000
Thu tiền bán hàng	6.661.512	-
Phải trả tiền mua hàng, dịch vụ	-	130.790.000
Trả tiền mua hàng	-	450.644.187
Bù trừ tiền hàng với cổ tức được nhận	-	120.500.000
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật		
Phải thu về bán hàng	-	397.998
Thu tiền bán hàng	221.124.254	-
Trả tiền mua hàng	-	397.998
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện		
Thu tiền bán hàng	-	2.150.000.000
Phải trả tiền mua hàng	-	5.551.500.290
Trả tiền mua hàng	1.013.466.417	7.791.654.900
Phải thu tiền lương thanh toán hộ	3.565.447.060	
Bù trừ tiền trả trước và chi hộ	2.129.242.283	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán hàng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3a; V.4; V.5; V.10b và V.11a.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp hàng hóa
- Lĩnh vực bán thành phẩm
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm nay	Lĩnh vực cung cấp hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.073.261.343	72.309.534.374	25.067.302.007	114.450.097.724
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.073.261.343	72.309.534.374	25.067.302.007	114.450.097.724
Chi phí bộ phận	(17.032.883.137)	(52.742.707.048)	(35.916.662.508)	(105.692.252.693)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	40.378.206	19.566.827.326	(10.849.360.501)	8.757.845.031
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.850.805.451)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.907.039.580
Doanh thu hoạt động tài chính				196.357.964
Chi phí tài chính				(8.091.421.640)
Thu nhập khác				322.028.409
Chi phí khác				(329.517.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(5.995.513.560)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	2.621.378.181	-	2.621.378.181
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	529.158.379	-	529.158.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	78.955.437.963	1.666.251.286	-	80.621.689.249
Phải trả người bán	58.900.558.675	11.783.090.758	-	70.683.649.433
Các khoản phải trả khác	8.871.936.971	-	-	8.871.936.971
Cộng	146.727.933.609	13.449.342.044	-	160.177.275.653
Số đầu năm				
Vay và nợ	93.473.288.177	500.000.000	-	93.973.288.177
Phải trả người bán	48.357.728.786	11.783.090.758	-	60.140.819.544
Các khoản phải trả khác	4.519.615.349	-	-	4.519.615.349
Cộng	146.350.632.312	12.283.090.758	-	158.633.723.070



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.707.075	194.264.595	194.707.075	194.264.595
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.999.652.055	3.000.000.000	1.999.652.055	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	90.239.257.396	67.096.667.584	90.239.257.396	67.096.667.584
Các khoản phải thu khác	2.247.669.382	404.853.369	2.247.669.382	404.853.369
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	31.567.009.697	32.059.298.052	31.567.009.697	32.059.298.052
Cộng	126.248.295.605	102.755.083.600	126.248.295.605	102.755.083.600
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	80.621.689.249	93.973.288.177	80.621.689.249	93.973.288.177
Phải trả người bán	70.683.649.433	60.140.819.544	70.683.649.433	60.140.819.544
Các khoản phải trả khác	8.871.936.971	4.519.615.349	8.871.936.971	4.519.615.349
Cộng	160.177.275.653	158.633.723.070	160.177.275.653	158.633.723.070

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tình chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Trong năm, Công ty bị Cục Thuế Thành phố Hà Nội thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo quyết định số 55880/QLN ngày 23/6/2020 do nợ tiền thuế và chậm nộp tiền thuế. Vấn đề trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang tích cực đưa ra các giải pháp nhằm tái cấu trúc lại bộ máy hoạt động và Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 15 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vũ Thị Lê Hoa

Lê Hồng Hạnh

Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000
Công ty Cổ phần phụ gia bê tông Phú Lại	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Tú	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh thép Tân Hưng	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và sản xuất Hà An	Quá hạn từ 2-3 năm	348.960.568	Quá hạn từ 1-2 năm	348.960.568
TP Consulting & Technology	Đã thu hồi hết nợ quá hạn	1.533.311.832	Đã thu hồi hết nợ quá hạn	1.533.311.832
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	Quá hạn từ 1-2 năm	634.439.128	Quá hạn trên 3 năm	-
Công ty Cổ phần kết cấu kim loại và lắp máy Dầu Khí	Quá hạn từ 1-2 năm	1.312.396.536	Quá hạn từ 1-2 năm	317.219.564
Công ty cổ phần THT Hoàng Long	Quá hạn từ 1-2 năm	1.157.425.244	Quá hạn từ 1-2 năm	656.198.268
Công ty Cổ phần kinh doanh XNK vật tư thiết bị Minh Quang	Quá hạn từ 2-3 năm	599.890.863	Quá hạn từ 1-2 năm	578.712.622
Công ty TNHH cơ khí chính xác Thăng Long Cộng	Quá hạn từ 2-3 năm	6.538.456.857	Quá hạn từ 2-3 năm	419.923.604
		3.168.359.142		2.834.305.086
				1.126.512.969

